



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Tiếng Anh thương mại quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM10A	01	1	3,0	01	Lực	Lẻ
2	000002	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01	2	5,0	01	Ph	chẵn
3	000003	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01	3	4,0	01	A	Lẻ
4	000004	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01	4	5,0	01	Anh	chẵn
5	000005	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01	5	3,5	01	Bộ	lẻ
6	000006	1101080510	Phạm Hải	Đặng	23/02/2005	TM11A	01	6	5,5	01	Đặng	chẵn
7	000007	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01	7	4,0	01	Mai	lẻ
8	000008	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01	8	6,5	01	Hà	chẵn
9	000009	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01	9	3,5	01	Hà	lẻ
10	000010	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01	10	3,5	01	Hằng	chẵn
11	000011	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01	11	4,5	01	Hiếu	lẻ
12	000012	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01	12	4,0	01	Huyền	chẵn
13	000013	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01	13	4,0	01	Huyền	lẻ
14	000014	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01	14	4,5	01	H	chẵn
15	000015	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01	15	4,5	01	Linh	lẻ
16	000016	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01	16	3,5	01	linh	chẵn
17	000017	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01	17	3,5	01	linh	lẻ
18	000018	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01	18	5,0	01	Linh	chẵn
19	000019	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	01	19	4,5	01	kh	lẻ
20	000020	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01	20	4,0	01	linh	chẵn
21	000021	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01	21	4,0	01	ly	lẻ
22	000022	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01	22	4,0	01	Mai	chẵn
23	000023	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quyên	01/01/2005	TM11A	01	23	4,0	01	Quyên	lẻ
24	000024	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01	24	4,0	01	Quỳnh	chẵn
25	000025	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01	25	6,0	01	Thái	lẻ
26	000026	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01	26	3,5	01	Thành	chẵn
27	000027	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01	27	4,5	01	Thuy	lẻ
28	000028	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	01	28	2,0	01	Tới	chẵn
29	000029	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01	29	5,0	01	Trang	lẻ
30	000030	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01	30	2,5	01	Trang	chẵn
31	000031	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01	33	3,0	01	Trung	lẻ
32	000032	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01	31	2,5	01	Tuấn	chẵn
33	000033	1101080758	Ngô Thị	Yên	09/09/2005	TM11A	01	32	5,0	01	Yên	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33....

Tổng số tờ giấy thi: 33..

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 24. tháng 6. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng. T. Hải

Phạm Châu Tuyết